

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2024
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải
Ông Nguyễn Hoàn Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Ng2, xã Qu, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1988. Xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã U, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lê Thị D thể hiện như sau:

Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn Ch tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Qu, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2014. Sau khi cưới anh chị sống hòa thuận với nhau một thời gian đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi đi làm ăn xa nên vợ chồng ở xa nhau, dẫn đến tình cảm dần phai nhạt, bất đồng quan điểm sống. Vì vậy vợ chồng tôi sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ

chồng thực sự không còn, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng thêm được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

Về con: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn Ch có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hà P, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 05/10/2017. Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng cô, mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị D không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2024 của anh Nguyễn Văn Ch thể hiện:

Anh Nguyễn Văn Ch và cô Lê Thị D tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Qu, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/3/2011. Anh chị sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vì vậy anh chị sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Lê Thị D đề nghị ly hôn, anh Ch cũng đồng ý ly hôn.

Về con: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Lê Thị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hà P, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 05/10/2017, hiện đều đang ở với chị D. Chị D mong muốn nuôi cả hai con, anh Ch cũng đồng ý. Anh Ch đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng).

Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Lê Hà P và cháu Nguyễn Lê Nhật M đều thể hiện:

Bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ D.

Tại biên bản xác M ngày 30/10/2024 tại UBND xã U, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Lê Thị D đăng ký kết hôn tại xã Qu, TP. Thanh Hóa ngày 28/5/2014. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại thôn L, xã U, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hà P, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 05/10/2017. Anh chị chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì cho đến năm 2022 thì anh Ch chị D xảy ra mâu thuẫn. Sau đó chị D đưa hai cháu về quê tại xã Qu, TP Thanh Hóa ở cho đến nay. Cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị thế nào thì địa P không nắm được. Nay chị D xin ly hôn anh Ch và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, quan điểm của địa P là anh Ch và chị D đều là những người có việc làm, đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc con nên địa P đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D, xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch. Về con: đề nghị công nhận anh Ch và chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hà P, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 05/10/2017. Đề nghị giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị D đề nghị anh Ch cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng, tại bản tự khai anh Ch cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng nên đề nghị buộc anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Hà P và Nhật M đủ 18 tuổi. Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn Ch không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Lê Thị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đề nghị buộc anh Ch phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Nguyên đơn chị Lê Thị D không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không có mặt để thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác M về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn Ch theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn Ch vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn Ch tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Qu, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 28/5/2014 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn

nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch. Anh Nguyễn Văn Ch thể hiện nguyện vọng tại bản tự khai là thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa vắng mặt anh Ch nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh Ch. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn Ch cùng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hà P, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 05/10/2017 nên công nhận hai cháu Nguyễn Lê Hà P và Nguyễn Lê Nhật M là con chung của chị D và anh Ch. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai cháu, hai cháu đang ở với chị D và các cháu đều có nguyện vọng xin ở với mẹ, anh Ch cũng thống nhất. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Lê Hà P và Nguyễn Lê Nhật M cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, chị D yêu cầu anh Ch cấp dưỡng theo luật định, tại phiên tòa chị D đề nghị anh Ch cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Vì vậy, buộc anh Nguyễn Văn Ch phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi các cháu Nguyễn Lê Hà P và Nguyễn Lê Nhật M đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn Ch không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Văn Ch phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch.

Về con: **Công nhận chị** Lê Thị D và anh Nguyễn Văn Ch có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hà P, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 05/10/2017. Giao cả hai cháu Nguyễn Lê Hà P và cháu Nguyễn Lê Nhật M cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị D, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh Nguyễn Văn Ch lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị D thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ch.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp **là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0003978 ngày 27/9/2024 (Chị Lê Thị D đã nộp đủ)**. Buộc anh Nguyễn Văn Ch phải chịu 300.000 đồng **án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ**.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Ch được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Hải Nguyễn Hoàng Đại

Lê Thị Ngọc Tú

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H. Quang, Tp. Thanh Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

